TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - *5* - *2022*
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Thanh Việt;

Ông Nguyễn Hữu Thọ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ: Ông Lê Thành Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2022/QĐST- HNGĐ ngày 11 thnags 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 597 ấp V, xã V, huyện V, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Bà Tô Thị Tuyết M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 242 ấp T, xã T, huyện C, TP. Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Tuấn K trình bày:

Vào năm 2008, qua thời gian tìm hiểu và được sự chấp thuận của gia đình, ông Nguyễn Tuấn K và bà Tô Thị Tuyết M tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thạnh Hòa, quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ vào ngày 16/9/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2012, thì phát sinh mâu thuẫn, bà M bắt đầu thay đổi không còn như trước, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về tiền bạc, nên thường xuyên cãi nhau và cả hai sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Về con chung: Ông Kvà bà M có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim T(nữ) sinh ngày 05/7/2009. Ông Kyêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tđến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M vẫn vắng mặt không lý do, nên phiên hoà giải không thể tiến hành được. Do đó, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt đối với bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về việc phải có mặt khi Tòa án triệu tập. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp ly hôn"* là phù hợp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dụng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiệt: Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Tuấn K được ly hôn với bà Tô Thị Tuyết M; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim T(nữ) sinh ngày 05/7/2009 cho ông Ktrực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của ông Kvề việc không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Tách thành vụ án khác để giải quyết, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Tuấn K và bà Tô Thị Tuyết M, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông Kcó đơn xin ly hôn với bà M, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tranh chấp này, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập đối với bà M, nhưng bà M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M theo định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Kvà bà M tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Ông Kcho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ vấn đề kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, không thể hành gắn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần, nhưng bà M đều vắng mặt không lý do, cũng như không có văn bản gửi đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông Kiệt. Qua đó, chứng tỏ bà M không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông Kiệt, tại phiên tòa ông Kvẫn kiên quyết xin ly hôn với chị M. Điều đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Kvà bà M đã thật sự sâu sắc trầm trọng, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không đạt được. Nên yêu cầu xin ly hôn của ông Klà có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về con chung: Ông Kyêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Kim T(nữ) sinh ngày 05/7/2009. Cháu Thiện đang sinh sống cùng với ông Kvà có nguyện vọng được sinh sống cùng với cha, bên cạnh đó, không ghi nhận được ý kiến của bà M về vấn đề này. Nên giao cháu Tcho ông Knuôi dưỡng đến tuổi trưởng để tạo điều kiện cho cháu Tcó điều kiện ổn định về ăn ở, học tập và phát triển toàn diện thành là phù hợp. Ông Kkhông yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà M không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của của chung, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Do bà M vắng mặt không lý do, nên không ghi nhận được ý kiến của bà M về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên tách thành vụ án khác để giải quyết, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Kphải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin hôn của ông Nguyễn Tuấn K với bà Tô Thị Tuyết M.

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Tuấn K được ly hôn với bà Tô Thị Tuyết M.

Về con chung: Ông Kđược quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Kim T(nữ) sinh ngày 05/7/2009 đến tuổi trưởng thành. Ông Kkhông yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà M, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Tách thành vụ án khác để giải quyết, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn K chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Kđã nộp theo biên lai số 0009170 ngày 08/02/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Cần Thơ;*
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- *Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND P. Thạnh Hòa, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ;*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Kiệt